BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
Số: 1931 /KH-ĐHTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2025

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2025- 2026

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Thông tư số 18/2021/TT-BGD&ĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành "Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ", Thông tư số 23/2021/TT-BGD&ĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành "Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ"; Quyết định 1316/QĐ-ĐHTM ngày 10/9/2021 của trường Đại học Thương Mại về việc ban hành "Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ"; Quyết định 86/QĐ-ĐHTM ngày 19/01/2022 của trường Đại học Thương Mại về việc ban hành "Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ"; Quyết định 2469/QĐ-ĐHTM ngày 30/12/2022 của trường Đại học Thương Mại về việc "Sửa đổi, bổ sung ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ";

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành "*Quy chế đào tạo trình độ đại học*"; căn cứ Quyết định số 1119/QĐ-ĐHTM ngày 22/07/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc ban hành: "*Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại*"; Quyết định số 961/QĐ-ĐHTM ngày 06/06/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành: "*Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành theo Quyết định số 1119/QĐ-ĐHTM ngày 22/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại*"; Quyết định số 601/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/5/2019 ban hành: *"Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học"*; Quyết định số 1628/QĐ-ĐHTM ngày 28/09/2022 về việc ban hành *"Quy định đào tạo chất lượng cao trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại"*; Quyết định số 1544/QĐ-ĐHTM ngày 27/9/2023 ban hành*: "Quy định về xây dựng và tổ chức đào tạo đối với chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại"*; Quyết định số 206/QĐ-ĐHTM ngày 02/02/2024 ban hành: "*Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại"*;

Căn cứ Quyết định số 1437/QĐ-ĐHTM ngày 08/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành: "*Quy chế đào tạo chương trình liên kết quốc tế trong Trường Đại học Thương mại*"; Căn cứ Quyết định số 2006/QĐ-ĐHTM ngày 06/11/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành: "*Quy định đào tạo đối với chương trình đào tạo song bằng quốc tế trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại*";

Căn cứ khung biểu đồ kế hoạch giảng dạy học tập năm học 2025-2026 của Trường (Xem phụ lục 1)

2. Khái quát kế hoạch thời gian và nhiệm vụ đào tạo

2.1 Kế hoạch thời gian

	Số tuần	Từ ngày	Đến ngày	Ghi chú
Cả năm	52	04/8/2025	02/8/2026	
Học kỳ I	22	04/8/2025	04/01/2026	- Ngày Quốc khánh 02/9/2025 (thứ 3): nghỉ từ thứ 7 (30/8/2025) đến hết thứ 3 (02/9/2025)
Học kỳ II	25	05/01/2026	28/6/2026	- Ngày Tết dương lịch 01/01/2026 (thứ 5) - Nghỉ tết Nguyên đán: 10/02/2026-23/02/2026 - Giỗ tổ Hùng Vương 10/3 âm tức 26/4/2026 (Chủ nhật): nghỉ từ Thứ 7 (25/4/2026) đến hết thứ 2 (27/4/2026) - Ngày 30/4/2026 và 01/5/2026 (thứ 5 & thứ 6), tính nghỉ Thứ 7 ngày 2/5/2026
Nghỉ hè	05	29/6/2026	02/8/2026	

2.2. Số lượng sinh viên:

2.2.1 Số lượng sinh viên chính quy: **19.483** sinh viên (K61 dự kiến)

Khóa/CN	K58	K59	K60	K61	Tổng	Ghi chú
A	313	231	233	250	1027	
AA	61	130	-	-	191	
AAI	-	-	150	150	300	
AS	54	82	116	100	352	
BBK	-	21	-	-	21	
BKI	-	-	44	100	144	
BKN	173	69	39	-	281	
BKS	-	129	105	100	334	
BLH	-	47	133	120	300	
BLN	171	79	34	-	284	
C	218	171	139	160	688	
CC	-	127	-	-	127	
CCI	-	-	120	150	270	
CD	113	94	124	100	431	

Khóa/CN	K58	K59	K60	K61	Tổng	Ghi chú
D	171	173	120	120	584	
DC	96	86	81	80	343	
DD	66	100	-	-	166	
DDI	-	-	112	120	232	
DI	22	44	-	-	66	
DK	114	97	154	100	465	
DKI	-	-	-	120	120	
E	224	144	159	160	687	
EE	-	94	-	-	94	
EEI	-	-	129	140	269	
EK	125	105	131	120	481	
F	261	285	266	170	982	
FII	-	-	-	120	120	
H	243	170	125	120	658	
HC	59	89	80	80	308	
HH	66	139	-	-	205	
HHI	-	-	139	120	259	
HT	-	-	123	120	243	
I	225	278	158	170	831	
IK	-	-	189	100	289	
ISI	-	-	-	120	120	
LQ	154	177	156	170	657	
LXI	-	-	152	150	302	
N	251	264	247	250	1012	
P	109	109	112	130	460	
PPI	-	-	-	110	110	
PQ	22	64	84	110	280	

Khóa/CN	K58	K59	K60	K61	Tổng	Ghi chú
Q	49	62	47	50	208	
QT	212	195	186	140	733	
QTI	-	-	-	120	120	
S	180	184	179	170	713	
SN	79	80	85	-	244	
SSI	-	-	-	100	100	
T	229	150	176	100	655	
TTI	-	-	-	100	100	
U	236	222	179	150	787	
UU	40	76	-	-	116	
UUI	-	-	131	130	261	
V	-	85	108	160	353	
Tổng	**4336**	**4652**	**5045**	**5450**	**19483**	

2.2.2 Số lượng sinh viên hình thức vừa làm vừa học: **149** sinh viên

Khóa	Tổng số
- K56	122
- K58	27

2.2.3 Số lượng sinh viên đào tạo từ xa đến nay là: **3274** sinh viên; dự kiến tuyển khoảng 1600 sinh viên trong năm học 2025-2026

2.2.4 Số lượng sinh viên liên kết Viện ĐTQT: **2168** sinh viên và học viên

2.2.4.1 Số lượng sinh viên cao học: **15** học viên

TT	Hệ	Số lượng học viên		
			Khóa 18	Tổng số
1	Thạc sĩ Tài chính (Tiếng Anh) (liên kết ĐH Lyon 3)		15	15
	Tổng cộng			**15**

2.2.4.2 Số lượng sinh viên CNTH, liên kết: **2153** sinh viên (Khóa 22 dự kiến)

TT	Hệ	Số lượng sinh viên			
		Khóa 20	**Khóa 21**	**Khóa 22**	**Tổng số**
1	CN - Quản trị tổ chức				
	NSA - Quản trị nguồn nhân lực	50	31	25	106
	LOG - Quản trị doanh nghiệp phân phối trong mạng lưới Logistics	70	47	40	157
2	CN - Bảo hiểm - Ngân hàng - Tài chính				
	TNA - Quan hệ khách hàng	70	52	50	172
	NTA - Thương mại sản phẩm ngân hàng và dịch vụ tài chính	40	45	40	125
3	CN - Thương mại và phân phối/dịch vụ				
	MAR - Bán hàng	40	31		71
	MPP - Quản trị chuỗi cung ứng và phân phối	40	40	30	110
4	CN - Quản trị du lịch và DV giải trí				
	DLA - Phát triển du lịch sáng tạo và bền vững (tiếng Anh)	50			50
5	CN - Du lịch, khách sạn, nhà hàng TUB	40	57	40	137
6	CN - Khởi nghiệp STA	30	28		58
7	CN - Thương mại điện tử ECO	100	124	120	344
8	CN - Thương mại quốc tế IBU	40	44	40	124
9	CN - Quản trị UBOM	30	42	50	122
10	CN - Quản trị kinh doanh IMC-Krems	12	13	20	45
11	CN - Quản trị kinh doanh quốc tế IBM		2	5	7
12	CN - Quản trị - Quan hệ đối tác quốc tế UBA	30	31	30	91
13	CN - Kế toán tài chính UWED	26	21	43	90
14	Dự bị tiếng Anh TA			35	35
15	Du học Trung Quốc/Đài Loan 2+2		89	90	179
16	Song bằng quốc tế - Bán hàng			40	40
17	Song bằng quốc tế - Khởi nghiệp			40	40
18	Tiên tiến - Quản trị kinh doanh			40	40
	Tổng cộng				**2153**

2.2.5 Số lượng sinh viên Viện Đào tạo Sau đại học: 2575 học viên và nghiên cứu sinh (trong đó CH31B, CH32A, EMBA3, EMBA4, NCS 38B, NCS 39A dự kiến)

TT	HỆ					Số lượng học viên và nghiên cứu sinh																	
		CH 28A	CH 28B	CH 29A	CH 29B	CH 30A	CH 30B	CH 31A	CH 31B (Dự kiến)	CH 32A (Dự kiến)	EMBA1	EMBA2	EMBA3	EMBA4	NCS 34AB	NCS 35AB	NCS 36AB	NCS 37A	NCS 37B	NCS 38A	NCS 38B (dự kiến)	NCS 39A (dự kiến)	Tổng
1	Cao học	61	140	121	334	356	377	386	400	400	22	28	28	28									2574
2	NCS														23	28	52	29	37	25	25	25	244

2.3 Khối lượng giờ giảng

HỆ ĐÀO TẠO	Kỳ I	Kỳ II	Cả năm
ĐH chính quy	72.976	116.448	189.424
VLVH	645	252	897
Viện ĐTSĐH	10.258	7.104	17.362
Viện ĐTQT	19.002	15.981	34.983
Tổng số	**102.881**	**139.785**	**242.666**

Trong đó:

- Giờ giảng HK1 là giờ giảng thực tế đã có TKB chính thức (trừ giờ giảng cho K61 có thể phải điều chỉnh)
- Giờ giảng HK2 là giờ giảng dự kiến
- Giờ giảng HK1 và HK2 của Viện ĐTSĐH là giờ giảng dự kiến (HK1 khóa 31B, EMBA3 chưa tuyển sinh; HK2 khóa 31B, 32A, EMBA4 chưa tuyển sinh)

3. Kế hoạch giảng dạy đại học chính quy:

3.1 Lịch thời gian:

- Tuần sinh hoạt công dân đầu năm/đầu khóa: 04/8-10/8/2025
- Lịch sinh hoạt lớp hành chính :

Học kỳ I: 20/8/2025 (thứ 4); 21/11/2025 (thứ 6)

Học kỳ II: 14/01/2026 (thứ 4); 21/4/2026 (thứ 3)

Khóa	Học kỳ	Học	Dự trữ	Thi	Sinh viên thực tập		Ghi chú
					Nội dung	Thời gian	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
K58	1	Học 17T: từ 11/8/2025-07/12/2025	01T (08/12/2025-14/12/2025)	03T (15/12/2025-04/01/2026)			SV theo tiến độ 4 năm
	1				TTTH 4T	11/8/2025-07/9/2025	SV theo tiến độ 3.5 năm
					Làm KLTN 9T	22/9/2025-23/11/2025	
					Bế giảng	Dự kiến: 26/01/2026-01/02/2026	
	2				TTTH 4T	05/01/2026-01/02/2026	- Nghỉ Tết Nguyên đán từ 10/02/2026-23/02/2026 - Sinh viên theo tiến độ 4 năm
					Làm LVTN/ KLTN 9T	02/3/2026 - 03/5/2026	
					Bế giảng	Dự kiến: 22 - 28/6/2026	
K58 BKN, BLN	1	Học 13T: từ 18/8/2025-16/11/2025	01T (17/11/2025-23/11/2025)	02T (24/11/2025-07/12/2025)	Thực tập DN 2T	04/8/2025-17/8/2025	
					TTTH 4T	08/12/2025-04/01/2026	
	2				Làm KLTN 9T	26/01/2026-12/4/2026	Nghỉ Tết Nguyên Đán từ 10/02/2026-23/02/2026
					Bế giảng	Dự kiến: 22 -28/6/2026	
	2	Học 17T: từ 05/01/2026-17/5/2026	01T (18/5/2026-24/5/2026)	03T (25/5/2026-14/6/2026)			Nghỉ Tết Nguyên Đán từ 10/02/2026-23/02/2026
K59	1	Học 17T: từ 11/8/2025-07/12/2025	01T (08/12/2025-14/12/2025)	03T (15/12/2025-04/01/2026)			
	2	Học 17T: từ 05/01/2026-17/5/2026	01T (18/5/2026-24/5/2026)	03T (25/5/2026-14/6/2026)			Nghỉ Tết Nguyên Đán từ 10/02/2026-23/02/2026
K59 BKS, BLH, BBK	1	Học 16T: từ 18/8/2025-07/12/2025	01T (08/12/202-14/12/2025)	03T (15/12/202-04/01/2026)	Thực tập DN 2T	04/8/2025-17/8/2025	

Khóa	Học kỳ	Học	Dự trữ	Thi	Sinh viên thực tập		Ghi chú
					Nội dung	Thời gian	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
	2	Học 17T: từ 05/01/2026-17/5/2026	01T (18/5/2026-24/5/2026)	03T (25/5/2026-14/6/2026)			Nghỉ Tết Nguyên Đán từ 10/02/2026-23/02/2026
K59 BKN, BLN	1	Học 16T: từ 18/8/2025-07/12/2025	01T (08/12/2025-14/12/2025)	03T (15/12/2025-04/01/2026)	Thực tập DN 2T	04/8/2025-17/8/2025	
	2	Học 10T: từ 05/01/2026-29/3/2026	01T (30/3/2026-05/4/2026)	02T (06/4/2026-19/4/2026)	Thực tập DN 10T	25/5/2026-02/8/2026	Nghỉ Tết Nguyên đán từ 10/02/2026-23/02/2026
K60	1	Học 17T: từ 11/8/2025-07/12/2025	01T(08/12-14/12/2025)	03T (15/12/2025-04/01/2026)			
	2	Học 17T: từ 05/01/2026-17/5/2026	01T (18/05/2026-24/5/2026)	03T (25/5/2026-14/6/2026)			Nghỉ Tết Nguyên đán từ 10/02/2026-23/02/2026
K60 BKS, BLH, BKN, BLN	2	Học 10T: từ 05/01/2026-29/02/2026	01T (30/03/2026-05/04/2026)	02T (06/04/2026-19/4/2026)	Thực tập DN 10T	25/5/2026-02/8/2026	Nghỉ Tết Nguyên đán từ 10/02/2026-23/02/2026
K60 BKI	2	Học 14T: từ 05/01/2026-26/04/2006	0.5T (28/4/2026-29/4/2026)	2T (04/5/2026-17/5/2026)	Thực tập DN 9T	01/6/2026-02/8/2026	Nghỉ Tết Nguyên Đán từ 10/02/2026-23/02/2026
K61	1	Học 13T: từ 15/9/2025-14/12/2025	01T (15/12/2025-21/12/2025)	02T (22/12/2025-04/01/2026)			
	2	Học 17T: từ 05/01/2026-17/5/2026 Học GDQPAN 8T (08/6-02/8/2026): chia làm 2 đợt	01T (18/05/2026-24/5/2026)	02T (25/5/2026-07/06/2026)			Nghỉ Tết Nguyên Đán từ 10/02/2026-23/02/2026
K61	2	Học 17T: từ 05/01/2026-17/5/2026 Học GDQPAN	01T (18/5/2026-24/5/2026)	02T (25/5/2026-7/6/2026)	Thực tập DN 2T	08/6/2026-21/6/2026	Nghỉ Tết Nguyên Đán từ 10/02/2026-23/02/2026

Khóa	Học kỳ	Học	Dự trữ	Thi	Sinh viên thực tập		Ghi chú
					Nội dung	Thời gian	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
BKI		4T từ: 06/7/2026-02/8/2026					
K61 BKS, BLH	2	Học 10T: từ 05/01/2026-29/3/2026 Học GDQPAN 4T từ: 06/5/2026-03/6/2026	01T (30/3/2026-5/4/2026)	02T (06/4/2026-19/4/2026)	Thực tập DN 8T	08/6/2026-02/8/2026	Nghỉ Tết Nguyên đán từ 10/02/2026-23/02/2026

3.2 Cơ cấu môn học:

- Học kỳ I: Xem Phụ lục 2
- Học kỳ II: Xem Phụ lục 3

4. Kế hoạch giảng dạy học tập của các khóa hình thức VLVH:

4.1 Lịch thời gian:

Khóa	Học kỳ	Học	Dự trữ	Thi	Sinh viên thực tập		Ghi chú
					Nội dung	Thời gian	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
K56	1	Học 17T: từ 11/8/2025-07/12/2025	01T (08/12/2025-14/12/2025)	03T (15/12/2025-04/01/2026)			
	2				TTTH 4T	5/01/2026-01/02/2026	Nghỉ Tết Nguyên Đán từ 10/02/2026-23/02/2026
					Làm KLTN 9T	02/03/2026-03/5/2026	
					Bế giảng	Dự kiến: 22/6/2026 - 28/6/2026	
K58	1	Học 17T: từ 11/8/2025-07/12/2025	01T (08/12/2025-14/12/2025)	03T (15/12/2025-04/01/2026)			
	2	Học 17T: từ 05/01/2026-17/5/2026	01T (18/05/2026-24/5/2026)	03T (25/5/2026-14/6/2026)			Nghỉ Tết Nguyên Đán từ 10/02/2026-23/02/2026

4.2 Cơ cấu môn học:

- Học kỳ I: Xem Phụ lục 4
- Học kỳ II: Xem Phụ lục 5

5. Kế hoạch giảng dạy học tập Viện Đào tạo quốc tế:

5.1 Lịch thời gian:

Khóa	Học kỳ	Học	Dự trữ	Thi	Sinh viên thực tập		Ghi chú
					Nội dung	Thời gian	
K20	1	Học theo kế hoạch, lịch trình cụ thể của trường đối tác bên cộng hòa Pháp					
	2	Học theo kế hoạch, lịch trình cụ thể của trường đối tác bên cộng hòa Pháp					
K21	1	Học 18T (bao gồm cả học chính và học bù): từ 04/8/2025 đến 07/12/2025	01T	01T (15/12/2025-21/12/2025)			
	2	Học 18T (bao gồm cả học chính và học bù): từ 05/01/2026 đến 24/5/2026	00T	01T (25/5/2026-31/5/2026)			
K22	1	Học 13T (bao gồm cả học chính và học bù): từ 15/9/2025 đến 14/12/2025	01T	01T (22/12/2025-28/12/2025)			
	2	Học 18T (bao gồm cả học chính và học bù): từ 05/01/2026 đến 24/5/2026	00T	01T (25/5/2026-31/5/2026)			
K22 Song bằng +Tiên tiến	1	Học 13T (bao gồm cả học chính và học bù): từ 15/09/2025 đến 14/12/2025	01T	02T (22/12/2025-04/01/2026)			
	2	Học 17T (bao gồm cả học chính và học bù): từ 05/01/2026 đến 17/05/2026	01T	02T (25/5/2026-07/6/2026)			

5.2 Cơ cấu môn học:

- Học kỳ I: Xem Phụ lục 6
- Học kỳ II: Xem Phụ lục 7

6. Kế hoạch giảng dạy học tập Viện Đào tạo Sau Đại học:

6.1 Lịch thời gian

Khóa	Học kỳ	Học	Dự trữ	Thi	Ghi chú
CH30A	1	- Học: 5 tuần (từ 01/8-01/9/2025) - Làm đề án: Từ 10/9/2025 đến 25/12/2025		07/9/2025	
	2	- Bảo vệ đề án tốt nghiệp: Từ 25/02 đến 13/3/2026 - Bế giảng: 5/2026			
CH30B	1	- Học: 17 tuần (từ 01/8-07/12/2025)		05/10/2025; 02/11/2025; 14/12/2025;	
	2	- Làm đề án: Từ 08/12/2025 đến 16/04/2026 - Bảo vệ đề án tốt nghiệp: Từ 28/5 đến 29/5/2026 - Bế giảng: tháng 8/2026			
CH31A	1	- Học: 19 tuần (từ 01/8-28/12/2025)		14/9/2025; 16/11/2025; 04/01/2026;	
	2	- Học: 22 tuần (từ 05/01-28/6/2026)		05/4/2026; 24/5/2026; 28/6/2026	
CH31B	1	- Tuyển sinh: tuần từ 20/10 đến 09/11/2025 - Nhập học, phổ biến quy chế đầu khóa: tuần từ 24/11-07/12/2025 - Học: 3 tuần (từ 15/12-04/01/2026)			
	2	- Học: 22 tuần (từ 05/01-28/6/2026)			
CH32A	2	- Tuyển sinh: tuần từ 11/05 đến 24/05/2026 - Nhập học, phổ biến quy chế đầu khóa: tuần từ 08/06-21/06/2026			
EMBA1	1	- Học: 20 tuần (từ 01/8-29/12/2025)		26/10/2025; 07/12/2025;	

Khóa	Học kỳ	Học	Dự trữ	Thi	Ghi chú
	2	- Làm đề án: Từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2026 - Bảo vệ đề án tốt nghiệp: tháng 7/2026			
EMBA2	1	- Học: 19 tuần (từ 01/8-28/12/2024)		05/11/2025; 25/01/2026;	
	2	- Học: 22 tuần (từ 05/01-28/06/2026)		07/6/2026; 02/8/2026;	
EMBA3	1	- Tuyển sinh: tuần từ 20/10 đến 09/11/2025 - Nhập học, phổ biến quy chế đầu khóa: tuần từ 24/11-07/12/2025 - Học: 3 tuần (từ 15/12-04/01/2026)			
	2	- Học: 18 tuần (từ 19/01-28/6/2025)		05/4/2026; 28/6/2026;	
EMBA4	2	- Tuyển sinh: tuần từ 11/05 đến 24/05/2026 - Nhập học, phổ biến quy chế đầu khóa: tuần từ 08/6-21/6/2026 - Học: 4 tuần (từ 01/6-24/6/2026)			
NCS34B	1	Tốt nghiệp			
NCS35A	1	Luận án tiến sĩ			
	2	Tốt nghiệp			
NCS35B	1	Luận án tiến sĩ			
	2	Luận án tiến sĩ			
NCS36A	1	Luận án tiến sĩ			
	2	Luận án tiến sĩ			
NCS36B	1	Luận án tiến sĩ			
	2	Luận án tiến sĩ			
NCS37A	1	NCKH, Chuyên đề, Luận án			
	2	Luận án tiến sĩ			
NCS37B	1	NCKH, Chuyên đề, Luận án			

Khóa	Học kỳ	Học	Dự trữ	Thi	Ghi chú
	2	NCKH, Chuyên đề, Luận án			
NCS38A	1	- Học HP TS 2 - Làm tiểu luận tổng quan - Học HP TS 3 - Làm chuyên đề và luận án			
	2	NCKH, Chuyên đề, Luận án			
NCS38B	1	- Tuyển sinh: tuần (tháng 10/2025) - Nhập học, phổ biến quy chế, học chính trị đầu khóa: tháng 11/2025 - Học phần 1 chương trình tiến sĩ: 4 tuần (tháng 11/2025)		1 tuần (Tháng 12/2025)	
	2	- Học HP TS 2 - Làm tiểu luận tổng quan - Học HP TS 3 - Làm chuyên đề và luận án			
NCS39A	2	- Tuyển sinh: tháng 4/2026 - Nhập học, phổ biến quy chế, học chính trị đầu khóa: tháng 5/2026 - Học phần 1 chương trình tiến sĩ: 4 tuần (tháng 5/2026)		1 tuần (tháng 6/2026)	

6.2 Cơ cấu môn học:

- Học kỳ I: Xem Phụ lục 8
- Học kỳ II: Xem Phụ lục 9

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

GS,TS Nguyễn Hoàng Việt